

Bản án số: 66/2026/HS- PT

Ngày: 06/02/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**.

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long** và bà **Trần Thị Kim Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 255/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Trương Thị N về tội "Trốn thuế" và "Mua bán trái phép hoá đơn". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2025/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trương Thị N, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1974 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT: Tổ C, phường P, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường P, thành phố Hà Nội); chỗ ở: P2208A Tòa M3 Masteri KĐT V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là xã G, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Giám đốc; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Công C (sinh năm: 1943) và bà Trương Thị Đ (sinh năm: 1944); có chồng là Chu Quang T (sinh năm: 1984) và 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Bảo V, đều là Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số A, Lô T, Khu đô thị H, phường C, thành phố Hà Nội. Ông B có mặt, bà V vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị N là Giám đốc Công ty TNHH D (MST: 0901008879; địa chỉ: Khu tái định cư T, phường P, tỉnh Hưng Yên; gọi tắt là Công ty D) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh kim loại màu, khoáng sản.

Ngoài ra, Trương Thị N còn nhờ ông Lâm Đức M đứng tên thành lập Công ty TNHH S (MST: 0500463694; địa chỉ: 2 N, phường B, Thành phố Hà Nội; gọi tắt là Công ty S) hoạt động trong lĩnh vực mua bán hàng hóa phế liệu đồng các loại.

Trong quá trình điều hành hai công ty nói trên, Trương Thị N liên hệ Lê Minh C1 (đã chết) để mua trái phép 1.550 tờ hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn GTGT) đầu vào cho Công ty D và Công ty S với giá trị chưa thuế là: 4.021.050.276.470 đồng; thuế GTGT là: 402.105.027.104 đồng. Cụ thể: Mua trái phép 876 hoá đơn GTGT đầu vào cho Công ty D với giá trị chưa thuế: 2.896.005.167.678 đồng; thuế GTGT: 289.600.516.199 đồng. Mua trái phép 674 hoá đơn GTGT đầu vào cho Công ty S với giá trị chưa thuế: 1.125.045.108.792 đồng; thuế GTGT: 112.504.510.905 đồng.

Sau khi mua hoá đơn, Trương Thị N đã sử dụng 1.550 tờ hóa đơn nói trên kê khai thuế đầu vào của Công ty D và Công ty S tại Chi cục Thuế khu vực T3 (nay là T1 cơ sở 1 thuộc T tỉnh Hưng Yên), Chi cục Thuế quận L (nay là Thuế cơ sở 12 thuộc T thành phố Hà Nội).

Trương Thị N mua các mặt hàng là phế liệu đồng, nhôm, inox, ... từ các đối tượng môi giới (không rõ nhân thân, lai lịch) không có hóa đơn, chứng từ sau đó hợp thức hóa bằng các hóa đơn không hợp pháp để kê khai thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và sử dụng pháp nhân của Công ty D, Công ty S để bán hàng và xuất hóa đơn GTGT cho 08 doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Công ty D xuất bán hàng hóa cho 05 doanh nghiệp với 10 tờ hóa đơn GTGT, giá trị chưa thuế: 11.491.193.313 đồng, thuế GTGT: 1.149.119.331 đồng, cụ thể như sau: Công ty TNHH T4, mã số thuế 2300947483, số lượng 05 tờ hoá đơn GTGT, doanh số chưa thuế 5.295.840.000 đồng, thuế GTGT là 529.584.000 đồng; Công ty TNHH MTV D1, mã số thuế 0500315181, số lượng 01 tờ hoá đơn GTGT, doanh số chưa thuế 2.766.533.000 đồng, thuế GTGT là 276.653.300 đồng; Công ty TNHH Đ1, mã số thuế 2301022138, số lượng 01 tờ hoá đơn GTGT, doanh số chưa thuế 867.750.000 đồng, thuế GTGT là 86.775.000 đồng; Công ty TNHH

MTV C2 - MICCO, mã số thuế 2700669262, số lượng 02 tờ hoá đơn GTGT, doanh số chưa thuế 1.342.370.313 đồng, thuế GTGT là 134.237.031 đồng; Công ty Cổ phần Đ1, mã số thuế 2301053432, số lượng 01 tờ hoá đơn GTGT, doanh số chưa thuế 1.218.700.000 đồng, thuế GTGT là 121.870.000 đồng.

- Công ty S xuất bán hàng hóa cho 03 doanh nghiệp với 05 tờ hóa đơn GTGT; giá trị chưa thuế: 4.922.466.250 đồng, thuế GTGT: 492.246.625 đồng, cụ thể như sau: Công ty TNHH S1, mã số thuế 2300950817, số lượng 03 tờ hoá đơn GTGT, doanh số chưa thuế 3.187.713.250 đồng, thuế GTGT là 318.771.325 đồng; Công ty TNHH X, mã số thuế 0102714596, số lượng 01 tờ hoá đơn GTGT, doanh số chưa thuế 1.380.993.000 đồng, thuế GTGT là 138.099.300 đồng; Công ty TNHH S2, mã số thuế 2400859625, số lượng 01 tờ hoá đơn GTGT, doanh số chưa thuế 353.760.000 đồng, thuế GTGT là 35.376.000 đồng.

Ngoài việc bán hàng hóa thực tế cho 08 Công ty như đã nêu trên, Trương Thị N còn sử dụng pháp nhân của Công ty D, Công ty S để xuất hóa đơn GTGT cho 44 Công ty khác.

Thông qua mối quan hệ xã hội, Trương Thị N biết đến Nguyễn Thị N1 là người quản lý, điều hành hoạt động 02 Công ty: Công ty TNHH Đ1 (MST: 2300986669; địa chỉ: thôn P, xã V, tỉnh Bắc Ninh) và Công ty TNHH S3 (MST: 2301193006; địa chỉ: C đường T, phường T, tỉnh Bắc Ninh) và Nguyễn Thị H là người quản lý, điều hành hoạt động của 02 Công ty: Công ty TNHH C3 (MST: 2300375148; địa chỉ: thôn Q, xã V, tỉnh Bắc Ninh), Công ty TNHH S4 (MST: 2300740390; địa chỉ: Cùm C, xã V, tỉnh Bắc Ninh).

Quá trình trao đổi với Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N1, Trương Thị N đã sử dụng pháp nhân của Công ty D, Công ty S xuất bán trái phép hóa đơn cho các Công ty của N1, H, cụ thể như sau:

- Xuất bán trái phép cho Công ty TNHH S3: 34 tờ hóa đơn GTGT, giá trị chưa thuế: 42.657.446.000 đồng, thuế GTGT: 4.265.744.600 đồng.

- Xuất bán trái phép cho Công ty TNHH Đ1: 187 tờ hóa đơn GTGT, giá trị chưa thuế: 217.509.535.900 đồng, thuế GTGT: 21.750.953.590 đồng.

- Xuất bán trái phép cho Công ty TNHH C3: 40 tờ hóa đơn GTGT, giá trị chưa thuế: 118.096.316.670 đồng, thuế GTGT: 11.809.631.667 đồng.

- Xuất bán trái phép cho Công ty TNHH S4: 54 tờ hóa đơn GTGT, giá trị chưa thuế: 303.702.162.600 đồng, thuế GTGT: 30.370.216.260 đồng.

* **Tang vật tạm giữ của** Trương Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

* **Theo Kết luận giám định ngày 28/7/2025, Thuế thành phố Đ kết luận:**

- Tổng số thuế GTGT trốn của Công ty D là 1.149.119.332đ; của Công ty S là 492.246.625đ.

- Về thuế khác: Không đủ cơ sở để kết luận.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2025/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị N phạm tội “*Trốn thuế*” và tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

1. Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 200; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trương Thị N 03 (ba) năm tù, phạt tiền: 50.000.000 đồng về tội: “*Trốn thuế*”.

2. Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trương Thị N 04 (bốn) năm tù, phạt tiền: 50.000.000 đồng về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trương Thị N chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị bắt giam, ngày 18/7/2025. Phạt tiền chung: 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2025, bị cáo Trương Thị N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Trương Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đã tác động gia đình nộp tổng cộng 200.200.000đ, trong đó có 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, 100.000.000đ là khoản tiền phạt bổ sung chung của hai tội và 100.000.000đ là khoản tiền thu lợi bất chính của tội “*Mua bán trái phép hoá đơn*”. Ngoài ra, bị cáo có sức khoẻ yếu, đã phẫu thuật cắt bỏ tử cung tại BV Đ2. Bị cáo phải thường xuyên thăm khám và chữa bệnh. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về để chữa bệnh. Gia đình bị cáo có cha mẹ là người có công với cách mạng; cha được tặng thưởng nhiều huân, huy chương; mẹ từng là thanh niên xung phong chiến đấu tại Sân bay S tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, bố mẹ bị cáo được khen thưởng của chính quyền địa phương. Trong quá trình hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp của bị cáo đã tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động tại

địa phương, góp phần phát triển kinh tế chung của địa phương. Quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo có nhiều hoạt động thiện nguyện trong suốt thời gian dịch bệnh Covid-19 bùng phát... Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm cho rằng: Với hành vi, hậu quả của bị cáo đã gây ra, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt về các tội "*Trốn thuế*" và "*Mua bán trái phép hoá đơn*" là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền trốn thuế. Tại phiên toà hôm nay luật sư cung cấp chứng cứ bị cáo tác động gia đình đã nộp thêm 100 triệu đồng tiền phạt và 200 nghìn đồng tiền án phí sơ thẩm; đồng thời cũng đã nộp thêm 100 triệu đồng tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo. Đối với tội "*Trốn thuế*", bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ 1,7 tỷ đồng. Tuy nhiên cấp sơ thẩm xử phạt 07 năm tù là quá nghiêm khắc. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Thị N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và kết quả tranh tụng tại phiên toà, có căn cứ để xác định:

Từ ngày 01/12/2020 cho đến khi bị phát hiện, Trương Thị N mua trái phép 1.550 tờ hóa đơn GTGT, giá trị chưa thuế: 4.021.050.276.470 đồng; thuế GTGT: 402.105.027.647 đồng từ đường dây của Lê Minh C1 cho Công ty D, Công ty S và bán trái phép hóa đơn cho 52 doanh nghiệp với 2.017 tờ hóa đơn GTGT, giá trị chưa thuế: 4.760.240.218.737 đồng, thuế GTGT: 476.024.021.874 đồng. T2 lợi bất chính 0,1% giá trị trước thuế tương ứng với số tiền 20.644.904.779 đồng. Đồng thời, Trương Thị N đã sử dụng các hóa đơn GTGT đầu vào không hợp pháp để kê khai, báo cáo thuế GTGT cho Công ty D và Công ty S, làm giảm số tiền

thuế GTGT phải nộp gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, trốn thuế số tiền 1.641.365.957 đồng.

Với hành vi và hậu quả như trên, bị cáo Trương Thị N đã bị Toà án cấp sơ thẩm xử phạt về tội "*Trốn thuế*" theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự và tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Khi xem xét quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm xác định hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, hợp thức hóa hàng hóa trôi nổi, gây thất thu cho ngân sách nhà nước, ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh lành mạnh; đối với hành vi mua hóa đơn, mặc dù kinh doanh hợp pháp nhưng việc hợp thức hóa đầu vào, kê khai thuế làm giảm nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đồng thời đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp khắc phục hậu quả số tiền trốn thuế là 1.700.000.000 đồng và nộp thu lợi bất chính 2.000.000.000 đồng; bị cáo có gia đình là thân nhân có công với cách mạng; quá trình sinh sống đã có nhiều hoạt động thiện nguyện. Vì vậy Toà án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "*Trốn thuế*" và 04 năm tù về tội "*Mua bán trái phép hoá đơn*" là có phần hơi nghiêm khắc, vì đối với 2 tội này hình phạt chính có hình phạt tiền, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[2.3] Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình nộp tổng cộng số tiền 200.200.000đ, trong đó có 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, 100.000.000đ là khoản tiền phạt tiền chung của hai tội và 100.000.000đ là khoản tiền thu lợi bất chính của tội "*Mua bán trái phép hoá đơn*". Ngoài ra, theo tài liệu của gia đình cung cấp thì bị cáo có sức khỏe yếu, đã phải phẫu thuật mổ tử cung do u xơ tại Bệnh viện Đ3. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới cần được áp dụng cho bị cáo đối với cả hai tội danh. Do bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần được cân nhắc áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thỏa đáng. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị N, giảm một phần hình phạt cho bị cáo đối với hai tội danh.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Trương Thị N do có tình tiết giảm nhẹ mới. Quan điểm này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nên được chấp nhận.

[4] Đối với số tiền gia đình bị cáo nộp tại giai đoạn phúc thẩm cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập xem xét, giải quyết.

[6] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trương Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Thị N, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2025/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt.

1.1. Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 200; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trương Thị N 01 (Một) năm tù và phạt bổ sung số tiền: 50.000.000 đồng về tội: “*Trốn thuế*”.

1.2. Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trương Thị N 01 (Một) năm tù và phạt bổ sung số tiền: 50.000.000 đồng về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

1.3. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trương Thị N chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (H1) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/7/2025 và phạt bổ sung tổng số tiền: 100.000.000 đồng.

2. Tiếp tục quy trừ số tiền gia đình bị cáo đã nộp 100.200.000đ theo Biên lai thu tiền số 0000322 ngày 28/01/2026 và 100.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0000439 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng để đảm bảo thi hành án.

3. Bị cáo Trương Thị N không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND Tp. Đà Nẵng;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- THADS Tp. Đà Nẵng;
- CQCSĐT Công an Tp. Đà Nẵng;
- CQTHAHS Công an Tp. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV Công an Tp. Đà Nẵng;
- Trại TG số 1 Công an Tp. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng